

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2017/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 02 năm 2017

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ...C...
Ngày: 29/3/2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình xác định nhiệm vụ khoa học và
công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 11.../TTr-SKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt Quyết định ban hành Quy trình xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2017 và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 2719/2006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành “Quy định về việc xác định các đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh”;

2. Quyết định số 2720/2006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành “Quy định về phương thức làm việc của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn xác định đề tài khoa học và công nghệ và dự án sản xuất thử nghiệm của tỉnh”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

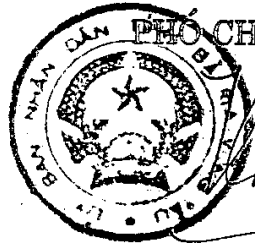
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Sở Tư pháp (kiểm tra văn bản);
- Website Chính phủ;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, SKHCN(2).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông

QUY TRÌNH

**Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2017/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy trình này điều chỉnh việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ; chương trình khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là chương trình).

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc gia và nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy trình này.

3. Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng) là các yêu cầu đặt ra cho khoa học và công nghệ dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhằm thực hiện yêu cầu của Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh do các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh cùng các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài tỉnh đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua cơ quan thường trực là Sở Khoa học và Công nghệ để đặt hàng các tổ chức và cá nhân thực hiện.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng là đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình có tên gọi và có các mục thể hiện yêu cầu cơ bản đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh, thông qua cơ quan thường trực là Sở Khoa học và Công nghệ đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

Điều 3. Căn cứ để xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các yêu cầu của lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác trong và ngoài tỉnh.

3. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp trên địa bàn tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.

2. Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;

b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh;

c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

3. Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính được tạo ra và được lãnh đạo các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để bảo đảm tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 5. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng

1. Trách nhiệm xây dựng đề xuất đặt hàng

a) Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và trên cơ sở căn cứ xác định tại Điều 3 Quy trình này, quyết định lựa chọn xây dựng đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để gửi về Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác trong và ngoài tỉnh có quan tâm đều có thể xây dựng đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo những căn cứ xác định tại Điều 3 và Điều 4 Quy trình này và trực tiếp gửi cho Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ động xây dựng đề xuất đặt hàng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo những căn cứ xác định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 3 Quy trình này.

2. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo trình tự hướng dẫn tại Chương III của Quy trình này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng và tổ chức Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng hoặc Hội đồng tư vấn) theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo hướng dẫn tại Chương IV của Quy trình này để xác định đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất từ kết quả tổ chức các Hội đồng tư vấn. Sở khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện thông báo công khai đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ đặt hàng để các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp.

Chương II YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 6. Yêu cầu chung đối với đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm

Đề tài, dự án phải đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu chung cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Có tính cấp thiết cao hoặc có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi của tỉnh.

2. Các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ (nhân lực khoa học và công nghệ hoặc nguồn tài chính) của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ đặt ra của ngành, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

3. Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

Điều 7. Yêu cầu đối với đề tài

1. Việc thực hiện đề tài được yêu cầu phải có địa chỉ tiếp nhận chuyển giao kết quả tạo ra khi công trình nghiên cứu được hoàn thành; trừ trường hợp có quy định khác của cấp có thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức được dự kiến thụ hưởng phải cam kết có phương án sử dụng kết quả trên.

2. Các kết quả nghiên cứu của đề tài phải được công bố, trích dẫn trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong nước hoặc quốc tế. Danh mục tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế được xác định theo Quyết định phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước hàng năm.

3. Ngoài ra, đối với những trường hợp do yêu cầu về tính chất chuyên môn khoa học hoặc do đòi hỏi đáp ứng nhu cầu thực tiễn công tác, việc thực hiện đề tài sẽ được xem xét, quyết định riêng cho từng trường hợp cụ thể.

4. Yêu cầu đối với việc thực hiện đề tài theo từng lĩnh vực như sau:

a) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu đặt ra cho công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Việt Nam; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng. Ngoài ra, phải đáp ứng yêu cầu có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm;

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Kết quả bảo đảm tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: Sản phẩm khoa học và công nghệ bảo đảm tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Việt Nam hoặc quốc tế thông qua các công bố trong nước và quốc tế hoặc có ý nghĩa

quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 8. Yêu cầu đối với dự án sản xuất thử nghiệm

1. Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

2. Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến bảo đảm tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

3. Có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 9. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản quy phạm pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 10. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được lãnh đạo tỉnh phê duyệt.

2. Kết quả tạo ra bảo đảm được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Có phương án tin cậy trong việc huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm.

4. Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có thời gian thực hiện không quá 03 (ba) năm.

Điều 11. Yêu cầu đối với chương trình khoa học và công nghệ

Chương trình khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong những định hướng lớn sau: Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh hoặc phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung bao gồm những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

4. Có thời gian thực hiện không quá 10 (mười) năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình.

Chương III **TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG**

Điều 12. Tổng hợp nhu cầu đối với khoa học và công nghệ

1. Căn cứ yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và thực tiễn phát triển của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, định kỳ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh và thời hạn để các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh quan tâm gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCHN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 07/2014/TT-BKHCHN).

2. Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp những đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết theo các căn cứ quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 3 Quy trình này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ động tổng hợp những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết theo các căn cứ quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 3 Quy trình này.

Điều 13. Xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh xem xét lựa chọn các vấn đề khoa học và công nghệ đã được tổng hợp theo khoản 2 Điều 12 Quy trình này để xây dựng đề xuất đặt hàng đáp ứng được nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy trình này. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng đề xuất đặt hàng trên cơ sở những vấn đề khoa học và công nghệ đã được tổng hợp theo khoản 3 Điều 12 Quy trình này.

2. Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh tự xây dựng đề xuất đặt hàng hoặc có thể mời chuyên gia, nhóm chuyên gia, tổ chức, cơ quan dự kiến hưởng thụ kết quả nghiên cứu tham gia xây dựng đề xuất đặt hàng.

3. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo hướng dẫn quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

Điều 14. Yêu cầu về hồ sơ đề xuất đặt hàng

Hồ sơ Đề xuất đặt hàng được gửi về Sở Khoa học và Công nghệ bao gồm:

1. Văn bản Đề xuất đặt hàng theo các mẫu yêu cầu tại khoản 3 Điều 13 Quy trình này;
2. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến Đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo (nếu có).

Điều 15. Tổng hợp đề xuất đặt hàng

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng và xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất đặt hàng.
2. Đề xuất đặt hàng được đánh giá “đạt yêu cầu” sơ bộ khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:
 - a) Đầy đủ thông tin trong Văn bản đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo;
 - b) Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.
3. Đối với đề xuất đặt hàng được đánh giá “đạt yêu cầu”, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến thông qua các Hội đồng tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Chương IV

**TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Điều 16. Nội dung thể hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng được thể hiện qua tên gọi và 02 mục: Định hướng mục tiêu và Yêu cầu đối với kết quả, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu đặt ra tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Quy trình này.
2. Mục Yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:
 - a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm;
 - b) Đối với đề tài khác: Các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác;

c) Đối với dự án sản xuất thử nghiệm: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm;

d) Đối với đề án khoa học: Các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác;

đ) Đối với dự án khoa học và công nghệ: Các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian;

e) Đối với chương trình khoa học và công nghệ: Các loại sản phẩm dự kiến; số lượng và các chỉ tiêu định lượng hoặc định tính tương ứng, bảo đảm sự quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau và thống nhất với mục tiêu đề ra.

Điều 17. Thành lập Hội đồng tư vấn

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh dưới các hình thức đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng tư vấn được quyết định thành lập theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Điều 18. Thành phần Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, hai (02) ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên. Chủ tịch Hội đồng tư vấn có thể là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ hoặc là những chuyên gia, người làm khoa học ở bên ngoài có uy tín, kinh nghiệm và có nhiều am hiểu chuyên môn trong lĩnh vực liên quan. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định chỉ định 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học. Các ủy viên phản biện là những chuyên gia, người làm khoa học và công nghệ có kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực liên quan.

2. Hội đồng tư vấn gồm 09 (chín) thành viên. Cơ cấu Hội đồng gồm: Có từ 05 (năm) đến 06 (sáu) thành viên là các chuyên gia, người làm khoa học và công nghệ có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được xác định; có từ 03 (ba) đến 04 (bốn) thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan hoặc đơn vị được dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu.

Điều 19. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Điều kiện tổ chức phiên họp Hội đồng tư vấn

a) Phiên họp của Hội đồng tư vấn phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng; trong đó, phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, hai ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học;

b) Trường hợp phiên họp Hội đồng tư vấn đủ điều kiện tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu thành viên vắng mặt cử người thay thế tham dự, thì người thay thế vẫn có thể tham dự phiên họp để trình bày quan điểm cá nhân nhưng không có quyền biểu quyết thông qua; hoặc nếu thành viên vắng mặt có bài nhận xét gửi Hội đồng, thì bài nhận xét chỉ có giá trị tham khảo.

2. Những văn bản do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký để triển khai các công việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn được sử dụng con dấu của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn

a) Nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá đề xuất đặt hàng theo hướng dẫn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCHN;

b) Gửi ý kiến đã chuẩn bị cho thư ký hành chính của Hội đồng trước phiên họp của Hội đồng;

c) Có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của Hội đồng.

4. Tài liệu được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp Hội đồng. Tài liệu gồm:

a) Đề xuất đặt hàng;

b) Trích lục theo yêu cầu tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 16 Quy trình này;

c) Các biểu mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất đặt hàng nêu tại khoản 3 Điều này;

d) Kết quả tra cứu thông tin (theo hướng dẫn quy định tại điểm d khoản 3 Điều 17 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCHN) của các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan đã và đang thực hiện đối với đề xuất đặt hàng dưới hình thức đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm;

đ) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

5. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bình đẳng, khách quan và công khai, minh bạch. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

6. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của Hội đồng tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng.

7. Đại diện các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có đề xuất đặt hàng được mời tham dự phiên họp của Hội đồng.

8. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định chỉ định thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của Hội đồng.

Điều 20. Trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng và nêu tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng.

2. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp của Hội đồng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.

3. Hội đồng cử ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng. Thành phần ban kiểm phiếu gồm trưởng ban là ủy viên thư ký khoa học, các thành viên là thư ký hành chính và một ủy viên Hội đồng.

4. Hội đồng thảo luận theo các nội dung tương ứng với hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn tại các Điều 21, 22, 23 và 24 Quy trình này.

5. Các thành viên Hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng theo hướng dẫn quy định tại khoản 7 Điều 18 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

Đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện” khi tất cả các nội dung trong Phiếu đánh giá được đánh giá “đạt yêu cầu” và đề nghị “không thực hiện” khi một trong các nội dung trên được đánh giá “không đạt yêu cầu”.

6. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng theo hướng dẫn quy định tại khoản 8 Điều 17 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của Hội đồng.

7. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện”, Hội đồng sẽ xem xét chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng hoặc Hội đồng cử một thành viên Hội đồng xây dựng đề bài của nhiệm vụ cấp tỉnh theo các yêu cầu đặt ra tại Điều 16 Quy trình này.

8. Đối với đề tài, dự án đặt hàng, Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc đề xuất đoàn ra, mời chuyên

gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ.

9. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “không thực hiện” Hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.

10. Hội đồng tiến hành xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng đề xuất đặt hàng theo các bước quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này. Trong trường hợp có 02 hoặc nhiều đề xuất đặt hàng và biểu quyết việc xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

11. Thư ký khoa học lập biên bản làm việc các phiên họp của Hội đồng theo hướng dẫn quy định tại khoản 13 Điều 18 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

Điều 21. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm

Các ủy viên phản biện và Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm trong đề xuất đặt hàng.

2. Phạm vi ảnh hưởng và tầm quan trọng của vấn đề khoa học được đặt ra trong nhiệm vụ đề xuất.

3. Khả năng không trùng lặp của đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang được thực hiện.

4. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ địa phương cho việc thực hiện đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm.

5. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện đối với dự án sản xuất thử nghiệm.

Điều 22. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định đề án khoa học

Các chuyên gia phản biện và Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết và triển vọng ứng dụng của các kết quả vào việc xây dựng và hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý.

2. Phạm vi ảnh hưởng của vấn đề khoa học được đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

3. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực địa phương cho việc thực hiện đề án khoa học.

Điều 23. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định dự án khoa học và công nghệ

Các ủy viên phản biện và Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết và mục tiêu của đề xuất đặt hàng trong việc sản xuất các sản phẩm trọng điểm chủ lực của ngành, địa phương.
2. Nhu cầu cần thiết phải huy động nguồn lực địa phương cho việc thực hiện đề xuất đặt hàng.
3. Tính khả thi của dự án khoa học và công nghệ thể hiện qua các nội dung đặt ra trong đề xuất đặt hàng.

Điều 24. Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định chương trình khoa học và công nghệ

Các chuyên gia phản biện và Hội đồng phân tích, thảo luận và đánh giá đề xuất đặt hàng về các nội dung sau:

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện chương trình và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra từ việc thực hiện chương trình.
2. Mục tiêu của chương trình đối với định hướng phát triển khoa học và công nghệ 5 năm hoặc 10 năm; hướng phát triển công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của địa phương hoặc đối với mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai tại địa phương.
3. Nội dung thực hiện chính và các kết quả được tạo ra khi kết thúc chương trình so với các mục tiêu của chương trình.
4. Thời gian thực hiện và tiến độ phù hợp để triển khai các nội dung của chương trình.

Điều 25. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến tư vấn của một (01) đến hai (02) chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập Hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

2. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn và ý kiến tư vấn xác định nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tham mưu đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng hàng năm.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng hàng năm được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các công việc sau:

a) Tổ chức công bố công khai đề tài, dự án, đề án khoa học hoặc dự án khoa học và công nghệ đặt hàng và điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn trên cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày làm việc để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện. Đối với chương trình khoa học và công nghệ đặt hàng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giao cho tổ chức, cơ quan đủ năng lực triển khai thực hiện;

b) Thông báo kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân huyện, thành phố có đề xuất đặt hàng.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.

2. Các cấp quản lý đề tài, dự án (cấp sở, ban, ngành, huyện và thành phố) có thể vận dụng hướng dẫn tại Quy trình này để ban hành quy trình xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi và thẩm quyền quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để được nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành. / *nguy*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông